

Bản án số: 625/2018/DS-ST

Ngày: 12-12-2018

V/v trA chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DA

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Mai

Bà Lê Thị ThA Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - *Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Lê Anna Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2018 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 308/2018/TBTL-TA ngày 10 tháng 07 năm 2018 về: “TrA chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 577/2018/QDST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 481/2018/QĐ-HPT ngày 23/11/2018 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Ngọc A, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số K đường, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A: Ông Đỗ Toàn Khoa, sinh năm 1975; Địa chỉ 16/10 đường Dân Chủ, phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Cương Biên, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số F, đường L, Phường 09, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/06/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên Tòa nguyên đơn và người đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bà Võ Thị Ngọc A và bà Nguyễn Thị Cường Blà chỗ quen biết, bà Bcó nhu cầu vay vốn để làm ăn nên bà A đã cho bà Bvay tiền. Bà Nguyễn Thị Cường Bcó viết giấy xác nhận mượn bà Võ Thị Ngọc A số tiền 52.000.000 (năm mươi hai triệu) đồng, hẹn ngày 28 tháng 6 năm 2012 trả cả vốn và lãi, tuy nhiên hai bên không thỏa thuận lãi suất bao nhiêu.

Ngày 13 tháng 6 năm 2012 bà Võ Thị Ngọc A đã giao tiền mặt cho bà Nguyễn Thị Cường Bsố tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

Ngày 20 tháng 7 năm 2012, tại phòng công chứng số 5 thành phố Hồ Chí Minh, bà Võ Thị Ngọc A và bà Nguyễn Thị Cường Bcó tiến hành ký hợp đồng vay tiền với một số nội dung sau: Bà Võ Thị Ngọc A cho bà Nguyễn Thị Cường Bvay 600.000.000 (sáu trăm triệu đồng); thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất 1%/tháng và tiền lãi bên vay sẽ giao cho bên vay vào ngày 20 dương lịch hàng tháng. Cùng ngày 20 tháng 7 năm 2012 bà Võ Thị Ngọc A đã chuyển khoản số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu đồng) qua tài khoản số 0102790723 của ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Cường Biên.

Tổng cộng nguyên đơn đã cho bị đơn vay số tiền 602.000.000 (sáu trăm lẻ hai triệu) đồng. Cho đến nay, bà Nguyễn Thị Cường Bvẫn không trả gốc và lãi như đã thỏa thuận. Nguyên đơn đã bỏ nhiều thời gian và công sức, tìm cách liên hệ qua điện thoại (0918882212 - 0932690368) và đứng chờ ngoài nhà bà Bcả ngày lẫn đêm nhằm gặp mặt để thảo luận, thương lượng cũng như tìm phương án để bị đơn thA toán dứt điểm khoản nợ nhưng bị đơn vẫn không trả nợ. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án buộc bà Nguyễn Thị Cường Bhoàn trả số tiền 602.000.000 (Sáu trăm lẻ hai triệu đồng) cho bà Võ Thị Ngọc A một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất. Bà A cũng không yêu cầu chồng bà Bcùng có trách nhiệm trả số nợ trên vì khi cho vay bà A chỉ cho một mình bà Bvay tiền.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Cường Bđã được tòa án niêm yết triệu tập hợp lệ đến Tòa để ghi lời khai vào ngày 15/8/2018, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 19/09/2018 và ngày 07/11/2018 nhưng bà Nguyễn Thị Cường Bvẫn không có mặt tại Tòa, do đó Tòa án không ghi lời khai và không tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải được.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp:

Về tố tụng:

Giám sát quá trình giải quyết vụ án dân sự giữa bà Võ Thị Ngọc A và bà Nguyễn Thị Cương Bnhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án, như về thẩm quyền thụ lý, xác định đúng quan hệ trA chấp, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự giải quyết vụ án từ việc ghi lời khai, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử vắng mặt bị đơn đúng quy định, tại phiên tòa đảm bảo trình tự xét xử vụ án, đảm bảo quyền lợi cho các bên khi trA tụng, đúng pháp luật tố tụng.

Đối với người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả trA tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà Võ Thị Ngọc A và bà Nguyễn Thị Cương Bcó giao kết với nhau hợp đồng vay tài sản, theo phiếu yêu cầu xác minh ngày 31/07/2018 hiện bà Nguyễn Thị Cương Bcó hộ khẩu thường trú tại số 293/34 đường Lê Văn Thọ, Phường 09, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng đã bán nhà và đi khỏi địa phương từ tháng 9/2013 hiện không rõ nơi chuyển đến. Tại hợp đồng vay tiền ngày 20/7/2012 giữa bà A và bà Bký tại phòng công chứng số 5 Thành phố Hồ Chí Minh bà Bkhai địa chỉ của mình là hiện ngụ tại số 293/34 đường Lê Văn Thọ, Phường 09, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc bà Bchuyển đi nơi khác, không khai báo với chính quyền địa phương, cũng như không thông báo cho bà A biết, đây được xem như bà Bcó tình che giấu địa chỉ, nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tòa án đã triệu tập đến lần thứ hai nhưng bà B vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với thủ tục được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[4] Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, B nhận mượn tiền và những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện; Giấy mượn tiền ngày 13/06/2012 nội dung thể hiện bà B có nhận của bà A số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), giấy mượn tiền hẹn đến ngày trả nợ 28/6/2012 thể hiện bà B có mượn của bà A số tiền 52.000.000 (Năm mươi hai triệu đồng) và hợp đồng vay tiền ngày 20/7/2012 ký tại phòng công chứng số 5 Thành phố Hồ Chí Minh hai bên thỏa thuận bà A cho bà B vay số tiền 600.000.000 (Sáu trăm triệu đồng), thời hạn vay 24 tháng lãi suất 1%/tháng và cùng ngày 20/7/2012 bà A đã chuyển khoản từ tài khoản của mình ở ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á, Thành phố Hồ Chí Minh vào tài khoản của bà B số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu đồng) tại ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng cộng bà B đã vay của bà A số tiền 602.000.000 (sáu trăm lẻ hai triệu đồng). Bà A đã tìm nhiều cách liên hệ, cũng như đến nhà gặp mặt nhưng bà B vẫn không trả nợ. Nay bà Võ Thị Ngọc A khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Cương B hoàn trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền 602.000.000 (Sáu trăm lẻ hai triệu đồng), bà A không yêu cầu tính lãi suất từ ngày chậm trả nợ cho đến ngày xét xử và nguyên đơn chỉ yêu cầu một mình bà Cương B trả hết số nợ trên vì đây là nợ riêng của bà B với bà A. Yêu cầu của nguyên đơn đã được Tòa án nghiên cứu tổng đạt cho bị đơn theo quy định của pháp luật nhưng đến nay bị đơn vẫn không có ý kiến phản đối những tình tiết nguyên đơn đưa ra nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra được hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định giao dịch dân sự được thực hiện trước ngày luật này có hiệu lực mà có trA chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005, do đó hội đồng xét xử căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà A kiện đòi bà B 602.000.00 đồng là có cơ sở nên chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà A không yêu cầu tính lãi suất từ ngày chậm trả đến ngày xét xử đối với số nợ trên.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn lại án phí tạm nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);
- Luật án phí lệ phí 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc A với bà Nguyễn Thị Cương Biên.

Buộc bà Nguyễn Thị Cương Bcó trách nhiệm trả nợ cho bà Võ Thị Ngọc A số tiền 602.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của bà A không yêu cầu tính lãi suất đối với số nợ trên trong thời gian chậm trả cho đến ngày xét xử.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Võ Thị Ngọc A không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.040.000 đồng theo Blai số AA/2017/0029615 ngày 10/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà B phải chịu án phí 28.080.000 đồng.

1. Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung

năm 2014)

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSNDTP.HCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Bình